|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  TỈNH QUẢNG NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/NQ-HĐND | *Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022* |

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số chính sách về công tác dân số - KHHGĐ**

**trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH KHÓA XIV,**

**KỲ HỌP THỨ ….**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 09/01/2003; Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh Dân số ngày 27/12/2008;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2003/NĐ-CP ngày 16/9/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số; Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số; Nghị định số 18/2011/NĐ-CP ngày 17/3/2011 của Chính phủ sửa đổi khoản 6 Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số;*

*Thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế Hướng dẫn một số nội dung để địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số; Thông tư số 02/2021/TT- BYT  ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số;*

*Xét Tờ trình số ………./TTr-UBND ngày ….. tháng …….năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định một số chính sách về công tác dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b) Các chính sách về dân số khác không có trong Nghị quyết này được thực hiện theo quy định hiện hành khác.

2. Đối tượng áp dụng

a) Mọi công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú từ 6 tháng trở lên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b) Thôn, bản, khu phố *(gọi chung là thôn)*, xã, phường, thị trấn *(gọi chung là xã*), huyện, thị xã, thành phố *(gọi chung là huyện)* trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

c) Cộng tác viên dân số thực hiện công tác dân số tại thôn, bản, khu phố, thuộc xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh *(gọi chung là công tác viên).*

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

**Điều 2. Chính sách khuyến khích duy trì mức sinh thay thế**

Để đảm bảo duy trì mức sinh thay thế toàn tỉnh *(Tổng tỷ suất sinh (TFR) từ 1,9 đến dưới 2,3 con /01 phụ nữ)*

1. Đối với các địa phương có mức sinh cao *(TFR ≥ 2,3 con /01 phụ nữ)*

1.1. Tập thể

a) Đối với huyện

- Có 05 (năm) năm liên tục đạt chỉ tiêu giảm sinh và giảm tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên theo kế hoạch tỉnh giao hàng năm thì được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, kèm theo mức thưởng 50 triệu đồng. Từ năm thứ sáu trở đi, ngoài mức thưởng 50 triệu, nếu đạt và vượt chỉ tiêu giao và giảm tỷ lệ sinh con thứ ba thì được Ủy ban Nhân dân tỉnh tặng Bằng khen và mức thưởng tăng thêm 10 triệu đồng.

b) Đối với xã

- Xã vùng niền núi, biên giới, hải đảo, xã khó khăn và đặc biệt khó khăn có 01 (một) năm đạt chỉ tiêu giảm sinh do huyện giao và trong năm không có người sinh con thứ ba thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tặng Giấy khen kèm theo mức thưởng 05 (năm) triệu đồng. Có 02 (hai) năm liên tiếp đạt và vượt chỉ tiêu giao huyện giao và 02 (hai) năm liên tục không có người sinh con thứ ba trở lên thì được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh tặng Bằng khen kèm theo mức thưởng 20 triệu đồng.

- Xã có 03 (ba) năm liên tục đạt chỉ tiêu giảm sinh do huyện giao, không có người sinh con thứ ba trở lên, thì được Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh tặng Bằng khen, kèm theo mức thưởng 30 triệu đồng. Từ năm thứ tư trở đi, ngoài mức thưởng 30 triệu, nếu đạt và vượt chỉ tiêu giao và không có người sinh con thứ ba trở lên thì được Ủy ban Nhân dân tỉnh tặng Bằng khen và mức thưởng tăng thêm 05 (năm) triệu đồng/năm.

c) Đối với thôn

- Thôn vùng niền núi, biên giới, hải đảo, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn có 03 (ba) năm liên tiếp không có người sinh con thứ ba trở lên thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tặng giấy khen kèm theo mức thưởng 01 (một) triệu đồng. Từ năm thứ tư trở đi, ngoài mức thưởng1triệu, nếu không có người sinh con thứ ba trở lên thì được thưởng thêm 500 nghìn đồng.

- Thôn có 05 (năm) năm liên tục không có người sinh con thứ ba trở lên thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tặng giấy khen kèm theo mức thưởng 02 (hai) triệu đồng. Từ năm thứ sáu trở đi, ngoài mức thưởng 02 (hai) triệu, nếu không có người sinh con thứ ba trở lên thì được thưởng thêm 500 nghìn đồng.

1.2. Đối với cá nhân

- Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ thuộc hộ nghèo, dân tộc tiểu số, xã đảo, xã biên giới đã sinh đủ 02 (hai) con trước 35 tuổi tự nguyện cam kết không sinh thêm con, sử dụng các biện pháp tránh thai dài hạn (đặt dụng cụ tử cung, tiêm thuốc tránh thai) được Ủy ban Nhân dân xã tặng giấy khen kèm theo tiền thưởng 01 (một) triệu đồng.

2. Đối với các địa phương đạt mức sinh thay thế *(TFR từ 1,9 đến dưới 2,3 con/1 phụ nữ)* và các địa phương có mức sinh thấp *(TFR ≤ 1,9 con/1 phụ nữ)*

2.1 Tập thể

a) Đối với huyện

- Có 5 (năm) năm liên tục duy trì mức sinh thay thế; đạt và vượt trên 70% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 (hai) con, và hoàn thành kế hoạch tỉnh giao hàng năm thì được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh tặng bằng khen kèm theo mức thưởng 30 triệu đồng. Từ năm thứ 06 (sáu) trở đi, ngoài mức thưởng 30 triệu, nếu đạt và vượt chỉ tiêu giao cứ một năm liền kề được thưởng thêm 05 (năm) triệu đồng.

b) Đối với xã

- Có 01 năm đạt trên 70% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 (hai) con và không có người sinh con thứ ba trở lên thì được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện tăng giấy khen kèm theo mức thưởng 01 triệu đồng.

- Có 02 năm liên đạt trên 70% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 (hai) con và không có người sinh con thứ ba trở lên thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tăng Bằng khen kèm theo mức thưởng 10 triệu đồng.

2.2. Cá nhân

- Cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh sản sinh 02 (hai) con trước 35 tuổi một bề cam kết không sinh thêm con, nuôi, dậy con tốt, làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân huyện tặng giấy khen kèm theo tiền thưởng 01 (một) triệu đồng.

**Điều 3. Chính sách khuyến khích kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh**

1. Đối với huyện có tổng số sinh của 03 (ba) năm hoặc 05 (năm) năm liên tục để có tổng số sinh trong giai đoạn từ 10.000 trẻ trở lên trong đó có tỷ số giới tính khi sinh là 104 - 107 trẻ em trai /100 trẻ em gái thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen kèm theo mức thưởng 20 triệu đồng.

2. Xã đạt 100% thôn đã có nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong hương ước, quy ước thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thưởng một lần 02 (hai) triệu đồng.

3. Cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh sản sinh 02 (hai) con một bề, cam kết không sinh thêm con được hỗ trợ 100% học phí THCS và THPT.

**Điều 4. Hỗ trợ chi trả thực hiện các chính sách kế hoạch hóa gia đình**

Phụ nữ, nam giới trong độ tuổi sinh sản thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người làm việc trên biển, đi biển dài ngày (từ 15 ngày trở lên) và khi cập bờ vào các âu thuyền tại các xã ven biển có từ 200 người trở lên làm việc trên biển, người dân tộc thiểu số, người sống tại vùng nhiễm chất độc dioxin, xã biên giới, xã đảo, vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn mà không được BHYT thanh toán khi thực hiện các biện pháp tránh thai thì được cấp phương tiện tránh thai miễn phí và phí chi trả thực hiện dịch vụ, mức hỗ trợ theo quy định giá dịch vụ y tế công hiện hành.

**Điều 5. Chính sách nâng cao chất lượng dân số**

1. Tầm soát trước sinh và tầm soát sơ sinh

- Phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người dân tộc thiểu số, người sống tại thôn đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, tại vùng nhiễm chất độc dioxin, xã biên giới, xã đảo, vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn mà không được BHYT thanh toán khi thực hiện dịch vụ tầm soát 04 (bốn) loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đối với phụ nữ mang thai; 05 bệnh tật bẩn sinh phổ biến nhất cho trẻ sơ sinh thì được hộ trợ thanh toán, mức hỗ trợ theo quy định giá dịch vụ y tế công hiện hành.

2. Khám sức khỏe tiền hôn nhân

- Thanh niên, vi thành niên thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người dân tộc thiểu số, người sống tại thôn đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, tại vùng nhiễm chất độc dioxin, xã biên giới, xã đảo, vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn mà không được BHYT thanh toán khi thực hiện dịch vụ khám sức khỏe tiên hôn nhân thì được hộ trợ thanh toán, mức hỗ trợ theo quy định giá dịch vụ y tế công hiện hành.

- Đối với các xã, phường thị trấn 03 năm liên tục có 100% nam, nữ thanh niên kết hôn thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn *(có giấy xác nhận khám sức khỏe tiền hôn nhân tại Trạm Y tế trở lên)* được Chủ tịch ủy ban Nhân dân tỉnh tặng bằng khen kèm theo phần thưởng 10 triệu đồng.

3. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- Đối với các xã, phường thị trấn 03 năm liên tục đạt đầy đủ các tiêu chí sau: Có 100% người cao tuổi *(trên 65 tuổi)* có thẻ bảo hiểm Y tế; được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và khám định kỳ ít nhất 01 một lần /năm; Thành lập ít nhất một câu lạc bộ liên hệ; mỗi thôn có ít nhất một câu lạc bộ rèn luyện, văn hóa thể thao, giải trí cho người cao tuổi tổ chức hoạt động theo đúng quy định thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tặng giấy khen kèm theo phần thưởng 01 (một) triệu đồng.

**Điều 6. Chính sách đối với cộng tác viên dân số thôn, bản, khu phố**

1. Mỗi thôn, bản, khu phố bố trí ít nhất 01 cộng tác viên thực hiện nhiệm vụ về dân số tại thôn, bản khu phố có dưới 400 (bốn trăm) hộ dân; từ 400 hộ dân trở lên bố trí 02 (hai) cộng tác viên.

2. Cộng tác viên dân số thực hiện công tác dân số tại thôn, bản, khu phố, thuộc phường, xã, thị trấn được hưởng hỗ trợ hàng tháng bằng 0,5 lần mức lương cơ sở /tháng từ nguồn ngân sách huyện, thị xã, thành phố đảm bảo chi trả.

**Điều 7. Kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách tỉnh bảo đảm để thực hiện công tác dân số với mức bình quân là 10.000 đồng/một người dân (không bao gồm kinh phí hỗ trợ cho CTV) và được bố trí trong dự toán hàng năm. trong đó ưu tiên đầu tư cho các vùng có mức sinh chưa đạt mức sinh thay thế, miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng khó khăn.

2. Hàng năm, các cấp chính quyền cơ sở trực thuộc tỉnh cần quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác dân số trong đó bố trí nguồn lực đầu tư thích hợp cho công tác này; xây dựng dự toán kinh phí hàng năm trình ngân sách tỉnh bổ sung. Đồng thời tích cực vận động sự đóng góp của các cá nhân và các tổ chức trong và ngoài tỉnh, các tổ chức nước ngoài đầu tư cho lĩnh vực dân số nhằm huy động tối đa các nguồn lực đầu tư.

**Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 9. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Khóa XIV, kỳ họp thứ ….. thông qua ngày ……. tháng …… năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày …….tháng …….năm 2022.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 20/2008/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số biện pháp, cơ chế, chính sách thực hiện công tác dân số - KHHGĐ đến năm 2010 và những năm tiếp theo, Nghị quyết số 58/2012/NQ-HĐND ngày 11/07/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ người trong độ tuổi sinh đẻ tự nguyện thực hiện biện pháp đình sản và hỗ trợ các xã phường, thị trấn 2 năm liền không có người sinh con thứ 3 trở lên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, sửa đổi một phần Nghị quyết số 207/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 quy định về số lượng, chức danh một số chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBTV Quốc hội,  - Chính phủ;  - Các Bộ: KHĐT, TC, Y tế, Tư pháp;  - Tổng cục Dân số-KHHGĐ;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ tư pháp  - Thương trực Tỉnh ủy;  - Thường trực HĐND tỉnh;  - Ủy ban nhân dân tỉnh;  - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - UBMTTQ và các Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;  - VP và các Ban của Tỉnh ủy;  - Các Sở, ngành của tỉnh;  - TT.HĐND, UBND các huyện, TX, TP;  - Trung tâm truyền thông tỉnh;  - VP HĐND, VP UBND tỉnh;  - Lưu VT. | **CHỦ TỊCH** **Nguyễn Xuân Ký** |